TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST.
Ngày 16 – 01 – 2019.
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Như Nguyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Phước Thiện.

Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2018/TLST – DS, ngày 27 tháng 07 năm 2018, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2018/QĐXXST – DS, ngày 27 tháng 11 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 166/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ban Quản lý Miếu Hội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T – Tổ trưởng.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn K.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị B

Địa chỉ: Khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Số 425 đường Trần Hưng Đạo, khu vực 3, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Hiền D. Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên – Môi trường thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn do ông Nguyễn Văn T đại diện trình bày: Trước đây, từ thời Pháp thuộc, ông Chủ Chẹt có xây dựng một cái Miếu Hội nhằm để bà con trong làng hàng năm thờ cúng cầu mưa thuận gió hòa, để bà con thuận lợi làm ăn. Đến năm 2004, quốc lộ 61 được Nhà nước mở rộng thì Miếu Hội bị giải tỏa, bà con khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh góp tiền lại xây dựng Miếu Hội mới tọa lạc tại khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh trên phần đất Nhà nước cấp cho Miếu Hội. Đến nay Miếu bị xuống cấp trầm trọng, nên Ban Quản lý Miếu yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vị Thanh làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý Miếu để xây dựng Miếu mới nhưng vợ chồng ông Trần Văn K, bà Trần Thị B là người sử dụng đất giáp ranh ngăn cản không cho đo đạc phần đất của Miếu để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay Ban Quản lý Miếu Hội do ông Nguyễn Văn T đại diện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn K, bà Trần Thị B phải chấm dứt hành vi ngăn cản, giao lại phần đất Miếu để Ban quản lý Miếu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sửa chữa lại Miếu để bà con khu vực 4, phường VII có chổ thờ cúng theo tinh thần tự do tín ngưỡng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu như trước đây.

Quá trình Tòa án xét xử vụ án, bị đơn là ông Trần Văn K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị B đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nên chưa trình bày ý kiến và đưa ra yêu cầu của mình. Tại phiên tòa bị đơn là ông Trần Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị B vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh bà Lê Hiền D trình bày: Ngày 12/8/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành quyết định số 2204/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng một số tuyến đường công vụ vào đường nối thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang với thành phố Cần Thơ. Theo quyết định ông Trần Văn K được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với số tiền là 475.456.458 đồng. Trong đó, chỉ bồi thường đất tại thửa số 104, không bồi thường thửa đất số 102 với diện tích 261,4m^2. Ngày 05/9/2011, Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh ban hành Quyết định số 3388/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Trần Văn K sử dụng để đầu tư xây dựng một số tuyến đường công vụ vào đường nối thị xã Vị Thanh (nay là thành phố Vị Thanh), tỉnh Hậu Giang với thành phố Cần Thơ (đợt 1) với diện tích 261,4m^2 thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại phường VII, thành phố Vị Thanh. Nguồn gốc đất do Nhà nước quản lý. Đến ngày 23/8/2012, Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh ban hành Quyết định số

2642/QĐ-UBND về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định số 3388/QĐ-UBND ngày 05/9/2011 của Ủy ban nhân thành phố Vị Thanh với nội dung "Thu hồi diện tích 261,4m^2 đất Miếu do ông Trần Văn K đang sử dụng thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại phường VII, thành phố Vị Thanh; nguồn gốc đất do cộng đồng dân cư quản lý". Không đồng ý với các quyết định nêu trên ông Trần Văn K khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đối với quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 12/8/2009. Ngày 10/4/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành quyết định số 624/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn K, giữ nguyên Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang. Không đồng ý ông Trần Văn K khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang. Ngày 10/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K theo bản án số 14/2013/HCST, không đồng ý nên ông Trần Văn K kháng cáo bản án sơ thẩm. Đến ngày 17/3/2014, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 34/2013/HCPT, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm, bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án. Đến ngày 24/4/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất Miếu còn lại thuộc thửa 102 sau khi quy hoạch nhưng vợ chồng ông Trần Văn K, bà Trần Thị B ngăn cản không cho đo đạc nên phát sinh tranh chấp. Nay đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn do ông Nguyễn Văn T đại diện có giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Quyết định về việc củng cố Ban quản lý Miếu Hội, các văn bản về quy hoạch, bồi thường đối với phần đất Miếu và biên bản vắng mặt ông Trần Văn K, bà Trần Thị B khi giải quyết tranh chấp tại địa phương. Ông Trần Văn K và bà Trần Thị B không có giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào khác. Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh có giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là hồ sơ giải quyết khiếu nại và khiếu kiện của ông Trần Văn K khi quy hoạch phần đất thuộc thửa 102 hiện đang tranh chấp.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định và phát biểu nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ban Quản lý Miếu Hội do ông Nguyễn Văn T đại diện khởi kiện ông Trần Văn K về việc tranh chấp quyền sử dụng đối với phần đất thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh, nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Phần đất tranh chấp tọa lạc tại khu vực 4,

phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp Hội đồng xét xử xét thấy: Phần đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 126m^2, thuộc thửa 102 tờ bản đồ số 07, tọa lạc khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, trên phần đất này có một cái Miếu (Miếu Hội) diện tích 13,6m^2. Hiện nay phần đất này chưa ai được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc phần đất là Miếu thần nông do nhân dân lập vào khoảng năm 1954, có diện tích trên sổ mục kê là 425m2, loại đất LNtg, của ông Chủ Chẹt. Năm 1990, ông Trần Văn K xây dựng nhà trên thửa đất số 104 (đất của ông Trần Văn Ba là cha của ông K) giáp ranh thửa đất này. Qua các lần kê khai sử dụng đất ông K và gia đình kê khai đầy đủ các thửa đất khác do gia đình ông sử dụng, riêng thửa đất số 102 là phần đất của Miếu gia đình ông K chưa bao giờ kê khai. Điều này cho thấy hoàn toàn phù hợp với lịch sử việc sử dụng đất đối với thửa đất này, đó là Miếu thần nông (Miếu Hội) do nhiều hộ dân tại khu vực sử dụng chung, thuộc quyền quản lý của cộng đồng dân cư tại khu vực. Tại Bản án số 34/2013/HC-PT ngày 17/3/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật cũng khẳng định phần đất thửa số 102 là phần đất của Miếu do nhiều hộ dân sử dụng chung, không phải đất của gia đình ông K, bà Ba. Ngoài ra, thể hiện theo diễn biến sự việc khi Nhà nước bồi thường đối với phần đất Miếu thuộc thửa 102 nêu trên thì vợ chồng ông K, bà Ba cũng thừa nhận số tiền trên là bồi thường phần đất của Miếu nhưng ông bà yêu cầu được quyền quản lý số tiền bồi thường nêu trên. Hiện nay, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý Miếu Hội nhưng vợ chồng ông Trần Văn K và bà Trần Thị B đứng ra ngăn cản và tranh chấp là không có cơ sở và không đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về diện tích phần đất theo sổ mục kê ruộng đất năm 1997 thì thửa đất số 102 tờ bản đồ số 07, có diện tích 425m^2 nhưng không có đo đạc thực tế, đến năm 2009 đất bị Nhà nước thu hồi để xây dựng tuyến đường công vụ vào đường nối thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang với thành phố Cần Thơ với diện tích thu hồi là 261,4m^2. Như vậy nếu tính theo hồ sơ địa chính thì phần đất thửa số 102 sau khi bị thu hồi một phần còn lại diện tích là 163,6m^2, nhưng hiện nay kết quả đo đạc do Tòa án kết hợp với cơ quan chuyên môn theo sự chỉ ranh của đại diện Ban Quản lý Miếu Hội và sự chứng kiến của một số người dân tại khu vực thì thửa đất số 102 còn lại diện tích là 126m^2. Ông Nguyễn Văn T đại diện cho Ban quản lý Miếu cũng chỉ yêu cầu Tòa án công nhận phần đất theo kết quả đo đạc thực tế hiện nay là trên cơ sở tự nguyện và có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn.

[4] Đối với phần đất phía sau giáp ranh giữa thửa 102 đang tranh chấp và phần đất thửa 99 thuộc quyền sử dụng của ông Trần Văn H (em ruột ông K) thì quá trình xem xét thẩm định tại chổ Tòa án có thông báo cho ông Trần Văn H chứng kiến việc thẩm định nhưng ông Hứa không có mặt tại địa phương, sau đó Tòa án có

liên hệ để xác định ranh đất giữa hai bên nhưng ông Hứa không đồng ý hợp tác, nên Tòa án tạm thời xác định ranh đất theo sự chỉ ranh của đại diện nguyên đơn. Nếu sau này các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn ông Trần Văn K phải chịu.

[6] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ lược đồ đất tranh chấp và thẩm định giá tài sản tranh chấp: Căn cứ vào Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bị đơn ông Trần Văn K phải chịu.

[7] Đối với bị đơn là ông Trần Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ dự phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 157, 165, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 99, 100, 101, 166, 203 Luật đất đai năm 2013.

Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 126m^2, thuộc thửa 102 tờ bản đồ số 07, tọa lạc khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, trên phần đất này có một cái Miếu (Miếu Hội) diện tích 13,6m^2 thuộc quyền sử dụng của Ban Quản lý Miếu Hội, thành phố Vị Thanh (Có lược đồ đo đạc kèm theo). Buộc ông Trần Văn K và bà Trần Thị B phải chấm dứt hành vi ngăn cản để Ban quản lý Miếu Hội được làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng đất để quản lý Miếu Hội.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Ban Quản lý Miếu Hội do ông Nguyễn Văn T đại diện được nhận lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016232 ngày 27/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

3. Tiền chi phí thẩm định, đo vẽ lược đồ và thẩm định giá tài sản tranh chấp tổng cộng là 8.500.000 (Tám triệu năm trăm nghìn) đồng, Ban Quản lý Miếu Hội do ông Nguyễn Văn T đại diện đã nộp xong. Buộc ông Trần Văn K phải chịu. Buộc ông Trần Văn K phải nộp 8.500.000 (Tám triệu năm trăm nghìn) đồng để giao trả lại cho Ban Quản lý Miếu Hội do ông Nguyễn Văn T làm đại diện.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Như Nguyện